

THỜI HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

(Present Continuous Tense)

I. ĐỊNH NGHĨA

Thời hiện tại tiếp diễn dùng để diễn tả những hành động đang xảy ra ngay tại thời điểm nói hoặc xung quanh thời điểm nói, hành động chưa chấm dứt.

II. CÔNG THỨC (FORMULA)

- Khẳng định: **S + am/is/are + V-ing**
- Phủ định: **S + am/is/are + not + V-ing**
- Nghi vấn: **Am/Is/Are + S + V-ing?**

* Ghi chú:

- **I + am**
- **He/ She/ It/ Danh từ số ít + is**
- **You/ We/ They/ Danh từ số nhiều + are**

III. DẤU HIỆU NHẬN BIẾT (KEYWORDS)

Khi trong câu xuất hiện các trạng từ chỉ thời gian sau, ta chia động từ ở thời hiện tại tiếp diễn:

Now (Bây giờ) Right now (Ngay bây giờ) At the moment (Lúc này)
At present (Hiện tại) Today (Hôm nay) Look! (Nhìn kìa!) Listen! (Nghe kìa!)
Keep silent! (Hãy im lặng!)

IV. CÁCH DÙNG CHÍNH

Cách dùng	Ví dụ
Hành động đang xảy ra ngay lúc nói	I am teaching English right now.
Hành động xảy ra xung quanh thời điểm nói (mang tính tạm thời)	I am reading an interesting book these days.
Diễn tả một kế hoạch trong tương lai gần	We are meeting him tomorrow.
Sự phàn nàn về một thói quen xấu (đi với Always)	He is always coming late!

V. QUY TẮC THÊM "-ING"

- Thông thường: *walk -> walking, cook -> cooking*
- Tận cùng là **e**: bỏ **e** thêm **ing** (*make -> making*)
- Tận cùng là **ee**: giữ nguyên thêm **ing** (*see -> seeing*)
- Động từ 1 âm tiết, tận cùng là "Phụ âm - Nguyên âm - Phụ âm": gấp đôi phụ âm cuối (*run -> running, stop -> stopping*)

Học tập suốt đời, tương lai sáng ngời!

Mr. Phong - tienganhhaiphong.vn